

Bản án số: 24/2025/DS-ST
Ngày 22/08/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Dũng, bà Vũ Thị Thùy Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân *khu vực 5*, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Xuân là Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S1.

Địa chỉ: B - B N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1957;

Nơi cư trú: Ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện ngày 13/8/2024 và ý kiến của bên nguyên đơn như sau:*

Bị đơn vay tiền của nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng cùng văn bản đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 24/12/2021, nguyên đơn cho bị đơn vay tiền tiêu dùng là 100.000.000 đồng, được cấp thẻ tín dụng như hợp đồng, lãi suất trong hạn và quá hạn tính theo quy định của Ngân hàng, có cơ sở phù hợp theo quy định của Ngân hàng N trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.

Bị đơn vay tiền loại tín chấp không có thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25/5/2024 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay khi đến thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên đã tính tiền vay quá hạn. Nguyên đơn có yêu cầu nhiều lần nhưng bị đơn vi phạm thời hạn trả tiền vay, vẫn không trả tiền gốc, lãi.

Đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền vay gốc và tiền lãi quá hạn tổng cộng là 118.818.000 đồng (có tiền vay nợ gốc là 82.140.503 đồng).

Bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chỉ buộc bị đơn phải trả tiền vay như trên, tính tiền lãi quá hạn phát sinh theo quy định sau ngày xét xử vụ án.

** Ý kiến của bị đơn:*

Đồng ý nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu của nguyên đơn nhưng chưa có đủ tiền để trả Ngân hàng (nguyên đơn).

** Đề nghị của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia phiên tòa.

- Giải quyết vụ án:

Bị đơn không thực hiện đúng theo hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc, tiền lãi quá thời hạn là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các **Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024**; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 465 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả tiền vay gốc và tiền lãi đối với nguyên đơn là **118.818.000 đồng, tiền lãi chậm trả phát sinh sau ngày 22/8/2025**;

Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm (được miễn án phí).

** Về chứng cứ vụ án:*

Tòa án đã công khai toàn bộ chứng cứ vụ án và thông báo về tài liệu, chứng cứ của vụ án đã tổng đạt đến các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án:

[1] Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án, về người tham gia tố tụng và quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn (có nơi cư trú tại **xã X, tỉnh Đồng Nai**) thì quan hệ pháp luật có tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **khu vực 5, tỉnh Đồng Nai** theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng đương sự vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt đương sự nên Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo **khoản 2 Điều 227, 228, 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 **Điều 91** của Bộ luật Tố tụng dân sự và chứng cứ đã được xem xét, tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ

án.

Ý kiến của bị đơn đồng ý nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn nhưng chưa có tiền để trả nguyên đơn là tình tiết được đương sự thừa nhận không phải chứng minh theo **khoản 2 Điều 92** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn xác lập hợp đồng tín dụng vay tài sản, đã thực hiện theo nội dung hợp đồng, bị đơn đã được nhận tiền vay theo hợp đồng nhưng không trả đầy đủ tiền vay và đã không trả tiếp nên nguyên đơn khởi kiện **chỉ** yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay nợ gốc và tiền lãi đến nay **là 118.818.000 đồng**.

Theo chứng cứ vụ án: Bị đơn nhận tiền vay của nguyên đơn nhưng trả tiền vay không đầy đủ theo hợp đồng. Đến nay bị đơn không trả đủ tiền vay của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, đã xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện là phù hợp Điều 5, 186, điểm g khoản 4 Điều 189, điểm b khoản 2 Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470, 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và các **Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024**, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi hợp đồng tín dụng, tranh chấp kinh doanh thương mại.

Căn cứ quy định pháp luật như trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả tiền vay đối với nguyên đơn về tiền vay nợ gốc, tiền lãi, tổng cộng là **là 118.818.000 đồng (có tiền vay nợ gốc là 82.140.503 đồng)**.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải chịu tiền lãi quá hạn đối với tiền vay nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày trả đủ tiền vay nợ gốc.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với bị đơn là người cao tuổi, có văn bản của bị đơn yêu cầu được miễn án phí dân sự sơ thẩm thì được Hội đồng xét xử chấp nhận theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án;

[4] Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 5, khoản 3 **Điều 26**, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 186, điểm g khoản 4 Điều 189, khoản 2 Điều 227, 228, 238, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466, 468, 470, 689 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Các **Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024**;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả tiền vay là 118.818.000 đồng (một trăm mười tám triệu, tám trăm mười tám nghìn đồng) đối với nguyên đơn.

Kể từ ngày 23/8/2025 bị đơn còn phải chịu tiền lãi quá hạn đối với tiền vay gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đến ngày trả đủ tiền vay nợ gốc.

2. Bị đơn, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.117.221đ (hai triệu, một trăm mười bảy nghìn, hai trăm hai mươi một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0012892 ngày 20/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tổng đạt Bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp (2);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cq THADS tỉnh Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, cơ quan.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Đính

Khoản 16 Điều 4, 91, 95, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

[5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được quy định tại Điều 206 và Điều 207 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải*”.

Trong vụ án này thì Tòa án đã không tiến hành hòa giải vụ án: Do nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập Biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự (bút lục 116), rồi Thẩm phán tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định trên của Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kiến nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát vì không có căn cứ pháp luật.

- Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.